

Một số điểm cần quan tâm trong liên kết đào tạo giữa Việt Nam với Ấn Độ

● PGS, TS NGÔ ĐÌNH XÂY
Ban Tuyên giáo Trung ương

Liên kết đào tạo quốc tế là hình thức đào tạo được tiến hành với sự phối hợp giữa nhiều nước và vùng lãnh thổ nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển về chất và lượng của giáo dục. Trong điều kiện hội nhập sâu, rộng của quá trình toàn cầu hóa, hoạt động liên kết đào tạo quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, nhất là trong đào tạo đại học và sau đại học. Thông qua hoạt động liên kết đào tạo có thể tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu đào tạo nhân lực cho đất nước và khu vực; đồng thời, góp phần nâng cao nội lực và đem lại nguồn thu cho cơ sở đào tạo. Xây dựng triết lý trong liên kết đào tạo quốc tế; Các thể mạnh của Ấn Độ trong đào tạo; Lựa chọn mô hình liên kết; Các điều kiện để liên kết đào tạo quốc tế chính là những vấn đề cần quan tâm khi tiến hành hợp tác, liên kết đào tạo với Ấn Độ nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

1. Xây dựng triết lý trong liên kết đào tạo quốc tế

Từ kinh nghiệm hội nhập quốc tế thành công của các nước, có thể rút ra một triết lý trong hội nhập quốc tế hiện nay là, chỉ có thể hội nhập được và hội nhập thành công được khi và chỉ khi *chủ thể hội nhập phải khác người*. Khác người tức là chủ thể hội nhập phải tạo ra giá trị riêng có của bản thân mà người khác không có và do đó, đối tác phải cần đến giá trị của chủ thể hội nhập để bù đắp cho sự thiếu hụt trong giá trị của họ. Có khác người thì đối tác mới cần đến chủ thể hội nhập và chủ thể hội nhập cũng có thể đem lại cho đối tác cái gì đó có giá trị mới. Đương nhiên, khác người ở đây được hiểu là, phải tạo ra được giá trị riêng trong chuỗi giá trị chung và nó phải được đặt trong và ngang bằng với chuỗi giá trị chung của đối tác và điều này không có nghĩa là, khác người là kém hoặc không ngang bằng về giá trị với đối tác. Nếu hiểu hội nhập là quá trình thực hiện các giao dịch mà thông qua đó giá trị của các đối tác được trao đổi cho nhau, thì giá trị riêng của mỗi chủ thể (đối tác) chính là cơ sở, là điều kiện cho liên kết và hợp tác giữa hai bên. Có thể khẳng định rằng, đây là triết lý không chỉ cho hội nhập quốc tế mà còn cho cả các hoạt động và quá trình liên kết quốc tế ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cần phải nhận thấy rõ ý

nghĩa của triết lý hội nhập này để từ đó, biết vận dụng cụ thể và hợp lý trong liên kết đào tạo quốc tế hiện nay ở các cơ sở đào tạo đại học Việt Nam với nước ngoài, trong đó có Ấn Độ. Vấn đề là ở chỗ, các trường đại học Việt Nam phải xác định và đưa ra được để triển khai thực thi một triết lý (nguyên tắc) với việc tìm ra được giá trị riêng của mình trong liên kết đào tạo quốc tế với Ấn Độ. Điều đó có nghĩa là, các trường đại học Việt Nam *phải xác định cái mình cần*, tức là liên kết để học hỏi đối tác (Ấn Độ), để bù đắp và bổ sung những cái mình còn thiếu và yếu, để nâng tầm chất lượng và trình độ đào tạo, từ đó có thể tham gia và hội nhập quốc tế được trong lĩnh vực đào tạo; đồng thời, quan trọng hơn là *phải xác định cái mình có*, nghĩa là các trường đại học Việt Nam phải xác định được về chuyên môn và chuyên ngành nào là cái riêng có, là thể mạnh, là khả năng mà mình có thể đáp ứng được, có thể cung cấp được cho đối tác những mặt hàng mà đối tác phải cần đến mình, ... Tóm lại, các trường đại học Việt Nam cần xác lập và hiện thực hóa được một chiến lược là, *làm gì và làm thế nào có thể trao đổi và thu hút được đối tác (Ấn Độ) bằng cái riêng có của mình*, qua đó xác lập vị trí và uy tín của các trường đại học Việt Nam đối với quốc tế nói chung, đối với Ấn Độ nói riêng trong lĩnh

vực liên kết đào tạo những chuyên ngành chuyên môn mà các trường đại học Việt Nam chứng minh được thế mạnh của mình.

2. Các thế mạnh của Ấn Độ trong đào tạo

Đề có thể liên kết, hợp tác được với Ấn Độ trong lĩnh vực đào tạo, trước hết cần phải tìm hiểu xem Ấn Độ có những thế mạnh nào trong đào tạo đại học, nói cách khác, ở Ấn Độ những ngành học và những trường đại học nào mà chúng ta cần phải học, phải liên kết? Ấn Độ là một trong năm quốc gia lớn nhất thế giới xét về lãnh thổ, dân số và thị phần. Ấn Độ - đất nước có nền văn hoá đa dạng, di sản văn hoá phong phú và giá trị truyền thống sâu sắc luôn gắn liền và thân thiết với cộng đồng quốc tế. Từ xa xưa, đây đã là một trung tâm học tập. Rất nhiều môn học như: Triết học, Tôn giáo, Dược, Văn học, Kịch và Nghệ thuật, Chiêm tinh học, Toán học và Xã hội học đã được biên soạn và giảng dạy tại Ấn Độ. Ngày nay, Ấn Độ còn được biết đến như một quốc gia hàng đầu về sản xuất phần mềm máy tính, y dược, công nghệ... và là một trong những trung tâm học tập có uy tín với cộng đồng sinh viên quốc tế. Hơn thế nữa, Ấn Độ ngày nay còn là một nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Họ tập trung vào những ngành công nghệ kỹ thuật cao như công nghệ thông tin và công nghệ sinh học để đưa đất nước đến thịnh vượng một cách nhanh chóng. Dưới áp lực của Tổ chức Thương mại Thế giới, Ấn độ đã phải tuyên bố sẽ không tiếp tục sản xuất những dược phẩm rẻ tiền không có đăng ký bằng sáng chế hoặc không được cấp phép như trước nữa. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp Ấn Độ thật khó lòng cạnh tranh được với các công ty đa quốc gia, nếu họ không có được một lực lượng khoa học gia có tầm cỡ. Chính vì vậy, phát biểu tại Diễn văn kỷ niệm ngày độc lập ngày 23.6.2007, Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh tuyên bố đất nước này sẽ xây dựng 14 trường đại học đạt chuẩn quốc tế (ĐHĐCQT) để cạnh tranh với những trường như Harvard hay Cambridge. Đây có thể xem là một điểm mốc đánh dấu quá trình bắt đầu vươn lên ĐHĐCQT của Ấn Độ. Ngày 29.3.2008, Bộ Phát triển Nguồn Nhân lực công bố kế hoạch cụ thể và vị trí của 8 Viện Khoa học Công nghệ mới và 7 Viện Nghiên cứu Quản lý cùng với 30 trường trung ương trong đó có 14 trường ĐHĐCQT sẽ được xây dựng trong Kế hoạch lần thứ 11 của Ấn Độ. Ở ba tiểu bang, một số trường công hiện tại sẽ được đặt dưới sự chỉ đạo của nhà nước trung ương để chuyển đổi thành

ĐHĐCQT. Mỗi viện khoa học công nghệ sẽ cần có 7,6 tỉ rupi (khoảng 165 triệu USD) và viện nghiên cứu quản lý cần khoảng 2,4 tỉ rupi (54,4 triệu USD) để đi vào hoạt động. Thủ tướng cũng nói rằng, nhà nước bảo đảm cho những trường này một đội ngũ giảng viên tốt nhất, những nguồn lực vật chất tuyệt vời nhất, để họ xây dựng nhiều phạm vi chuyên ngành rộng và có một đội ngũ sinh viên đa dạng. Ấn Độ thậm chí đã đề nghị Anh giúp về tài chính và kỹ thuật để xây dựng một trường ĐHĐCQT.

Thành công lớn nhất của hệ thống giáo dục đại học Ấn Độ cho đến nay là của các Viện Khoa học công nghệ. Ngay sau khi độc lập, Ấn Độ đã đặt khoa học kỹ thuật lên hàng ưu tiên trong lịch trình phát triển kinh tế của mình. Viện Kỹ thuật Công nghệ Ấn Độ đầu tiên được thành lập năm 1951 ở Kharagpur (West Bengal) với sự hỗ trợ của UNESCO, dựa trên mô hình của MIT. Viện Kỹ thuật Công nghệ Ấn độ (IIT) thứ hai được thành lập ở Bombay (nay là Mumbai) năm 1958 với sự trợ giúp của Liên bang Xô viết thông qua UNESCO. Năm 1959, IIT Madras (nay là Chennai) được thành lập với sự trợ giúp của Đức; và IIT Kanpur với sự giúp đỡ của Tập đoàn các trường Đại học Hoa Kỳ. Các doanh nghiệp Anh và chính phủ UK hỗ trợ thành lập IIT Delhi năm 1961. Năm 1994, IIT Guwahati được thành lập hoàn toàn thông qua những nỗ lực bản địa. Năm 2001, Trường Đại học University of Roorkee được đưa vào hệ thống các trường IIT trở thành trường thứ bảy như thế.

Với một kế hoạch mang tính chiến lược như vậy, Quốc hội Ấn Độ chỉ định những trường này như những đơn vị tối quan trọng của đất nước. Các trường công được tận hưởng tối đa tự do học thuật và tự chủ trong quản lý - đưa ra những ngành đào tạo chất lượng cao và có ý nghĩa rất quan trọng trong công nghệ, kỹ thuật, các khoa học ứng dụng và khoa học quản lý ở cấp đại học, cao học và tiến sĩ, đồng thời cấp bằng của chính họ. Việc tuyển sinh được thực hiện nghiêm ngặt dựa trên phẩm chất và thành tích thông qua một kỳ thi tuyển sinh hết sức cạnh tranh. Ngày nay, các trường này thu hút những sinh viên giỏi nhất có quan tâm đến công nghệ và khoa học ứng dụng. Nhiều cựu sinh viên các trường IIT nắm giữ những vị trí cao nhất trong giáo dục, nghiên cứu, kinh doanh và đổi mới ở nhiều nơi trên thế giới. Năm 2005, THES xếp hạng IITs là trường kỹ thuật tốt vào hàng thứ ba trên toàn thế giới, chỉ sau MIT và

University of California, Berkeley. Lúc đầu IITs bị phê phán là góp phần vào nạn cháy máu chất xám khu khoảng 40% sinh viên tốt nghiệp của họ ra nước ngoài làm việc. Ngày nay, với sự tăng trưởng nhanh và mở rộng của kinh tế Ấn Độ, "điểm yếu" này trở thành thế mạnh to lớn cho hợp tác và đầu tư quốc tế⁽¹⁾.

Một điểm rất đáng chú ý, từ những chủ trương và kết quả đạt được trong việc Chính phủ Ấn Độ tập trung xây dựng các trường đại học trong nước ngang tầm khu vực và thế giới thời gian qua mà cuối năm 2014, Times Higher Education đã công bố bảng xếp hạng các trường Đại học châu Á (Asia University Rankings 2014) với nhiều thay đổi đáng lưu ý bởi Ấn Độ. Điều đáng ghi nhận nhất ở bảng xếp hạng năm 2014 là Ấn độ hiện có 10 trường lọt top 100 trường tốt nhất châu Á. So với con số khiêm tốn chỉ có 3 trường vào năm 2013 thì đây là một sự tăng trưởng rất đáng tự hào⁽²⁾ và Việt Nam chúng ta cần có chiến lược để hợp tác, liên kết đào tạo với Ấn Độ.

3. Lựa chọn mô hình liên kết

Trên cơ sở xác định và nắm được các trường đại học và ngành học của Ấn Độ cần cho Việt Nam, chúng ta phải có bước đi phù hợp tiếp theo - đó là phải lựa chọn được mô hình liên kết, hợp tác. Trong liên kết đào tạo quốc tế nói chung, liên kết đào tạo với Ấn Độ, nói riêng, có ba loại mô hình cần phải tính đến để lựa chọn: *mô hình nội dung và mô hình thời gian*.

Trước hết, phải lựa chọn được nội dung (chuyên ngành) hay còn gọi là lựa chọn *mô hình nội dung* để liên kết đào tạo. Đây chính là xác định phương hướng hợp tác quốc tế và là vấn đề cực kỳ quan trọng, có tính quyết định đến thành bại của liên kết đào tạo. Việc lựa chọn mô hình nội dung (tức chọn ngành nào) để liên kết là do chủ thể (trường) tự quyết định. Song, việc lựa chọn này nhất thiết phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Phải phát huy được thế mạnh của mình; đồng thời, phải tranh thủ và tiếp thu được những thế mạnh của đối tác;

- Đa phương hoá, đa dạng hoá loại hình hợp tác cả trong lĩnh vực giáo dục đại học và lĩnh vực nghiên cứu khoa học;

- Tăng cường, mở rộng và chính thức hóa các hoạt động hợp tác trao đổi giảng viên và sinh viên với các cơ sở đào tạo đại học trên thế giới,

- Phát triển liên doanh, liên kết với các đối tác trong việc tuyển sinh, đào tạo đại học cho sinh viên Việt Nam

tại Việt Nam và tại các nước khác như mô hình nhiều trường đại học của Việt Nam đã áp dụng:

- Phát triển các dự án nghiên cứu liên quốc gia nhằm tăng cường học tập và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau;

- Từng bước triển khai các hoạt động dịch vụ, tăng nguồn thu cho nhà trường thông qua hợp tác quốc tế; mở rộng quyền tự chủ, có cơ chế chính sách khuyến khích các đơn vị và cá nhân về hợp tác quốc tế trong khuôn khổ luật pháp;

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế và các trường đại học để tìm kiếm các nguồn học bổng tài trợ cho cán bộ - giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, tài trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc hoặc hoàn cảnh khó khăn. Tìm kiếm các nguồn kinh phí để tài trợ cho nghiên cứu khoa học, cử cán bộ - giảng viên có trình cao đi giao lưu khoa học với nước ngoài,

- Khuyến khích các giảng viên, các nhà khoa học làm công tác hợp tác quốc tế nhằm tạo ra mạng lưới cộng tác viên trong hợp tác quốc tế với chính sách động viên, khen thưởng kịp thời; đồng thời, nâng cao chất lượng đối ngũ cán bộ chuyên trách.

Thứ hai, trên cơ sở xác định mô hình nội dung, cần phải lựa chọn các hình thức hợp tác quốc tế hay còn gọi là *mô hình thời gian* cho phù hợp. Hiện nay, các trường đại học Việt Nam thường hay lựa chọn các mô hình thời gian như sau:

- *Chương trình hợp tác đào tạo quốc tế theo hình thức 1+3 (+4)*: Đây là chương trình liên kết đào tạo trong đó có 1 năm học dự bị tại một trường ở Việt Nam và 3 năm hoặc 4 năm học đại học tại nước ngoài. Trong thời gian học tại Việt Nam, sinh viên được học ngôn ngữ và một số môn cơ bản như Toán, Tin học. Chương trình đào tạo này giúp sinh viên đạt yêu cầu đầu vào về ngôn ngữ trước khi sang học tại trường đối tác. Sau khi kết thúc khóa học dự bị ngôn ngữ, sinh viên có thể chuyển học đại học tại các trường.

- *Chương trình hợp tác đào tạo quốc tế theo hình thức 1+3 và 2+2*: Đây là chương trình liên kết đào tạo cho phép sinh viên học theo chương trình đào tạo của nước ngoài trước khi đi du học. Sau khi học hết 1 hoặc 2 năm tại Việt Nam, sinh viên được chuyển tiếp vào năm thứ 2 hoặc năm thứ 3 của trường bạn. Đây là hình thức đào tạo tiết kiệm chi phí cho các bậc phụ huynh và giúp tạo nền về ngôn ngữ và kiến thức tốt trước khi sinh viên ra nước ngoài.

- *Chương trình liên kết đào tạo 3+1*: Đây là chương trình liên kết đào tạo 3 năm tại Việt Nam và 1 năm tại nước ngoài. Tham gia chương trình này các sinh viên tiết kiệm được khoản chi phí rất lớn mà vẫn có cơ hội lấy bằng quốc tế. Chương trình đào tạo 3 năm tại Việt Nam được đối tác nước ngoài công nhận trong đó tập trung vào những kiến thức chuyên ngành chủ yếu và học ngôn ngữ.

Điều cần chú ý là, việc lựa chọn mô hình thời gian nào trên đây, hoặc lựa chọn một mô hình thời gian nào đó khác hơn là hoàn toàn do các trường đại học tự xác định và lựa chọn.

4. Các điều kiện để liên kết đào tạo quốc tế

Để có thể thực hiện liên kết đào tạo quốc tế nói chung, với Ấn Độ nói riêng được tốt, có hiệu quả và đúng pháp luật, cần phải chú ý các điều kiện sau:

Thứ nhất, phải biết tận dụng mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện đang có giữa Việt Nam và Ấn Độ. Việt Nam - Ấn Độ đã có quan hệ từ lâu đời. Năm 2003, hai bên đã ký tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác toàn diện Việt Nam - Ấn Độ bước sang thế kỷ XXI và đó là định hướng lớn cho sự phát triển sâu rộng quan hệ hai nước sau này. Đặc biệt, năm 2007 đánh dấu một bước chuyển lớn trong quan hệ Việt Nam và Ấn Độ, khi hai nước đã nâng quan hệ lên *đối tác chiến lược toàn diện*. Trên cơ sở đó, quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Ấn Độ đã giúp hai bên mở rộng trên nhiều lĩnh vực, đi vào chiều sâu và hiệu quả. Hai nước đã và đang có một quan hệ hợp tác chính trị rất tốt đẹp. Hai bên đã có những chuyến thăm lẫn nhau của nhiều đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ; quan hệ giữa hai nước đã có những bước phát triển mạnh mẽ và toàn diện, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế - thương mại, lĩnh vực an ninh, quốc phòng, hợp tác về văn hóa, khoa học công nghệ giữa hai nước tiếp tục phát triển. Ngoài ra, Ấn Độ còn hỗ trợ Việt Nam một số dự án công nghệ thông tin, về giáo dục đào tạo... Nhiều viện nghiên cứu và các trường đại học của Việt Nam có chương trình hợp tác với các đối tác Ấn Độ. Đặc biệt, từ năm 2008, Chính phủ Ấn Độ đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam thực hiện Dự án phát triển nguồn nhân lực công nghệ phần mềm. Đây là một trong những dự án lớn, có ý nghĩa đối Việt Nam trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh những lĩnh vực trên, quan hệ hữu nghị nhân dân cũng có bước phát triển sinh động... Qua các hoạt động có ý

nghĩa đó, nhân dân hai nước có thể hiểu biết nhiều hơn về phong tục tập quán, văn hóa cũng như con người... Trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược toàn diện như vậy, sự hợp tác và liên kết đào tạo giữa ngành giáo dục - đào tạo của Việt Nam và Ấn Độ cần phải mở rộng trên nhiều lĩnh vực, đi vào chiều sâu, hiệu quả và thiết thực trong thời gian tới.

Thứ hai, tính pháp lý của chương trình là một trong những yêu cầu bắt buộc mà các đối tác phải tìm hiểu. Việc học tập tại nước ngoài theo chương trình liên kết phải trả học phí cao hơn nhiều so với việc học tại bản xứ; do đó, người học phải được lựa chọn một chương trình có uy tín, có đầy đủ tính pháp lý. Lợi ích khi theo học các chương trình được Bộ Giáo dục - Đào tạo cấp phép là được đảm bảo an toàn, bằng cấp được công nhận trên lãnh thổ Việt Nam và một số nước (tùy theo chương trình). Các chương trình này được thẩm định về chất lượng, uy tín nên sẽ đảm bảo bằng cấp có giá trị hơn. Người học tránh được trường hợp phải dừng học giữa chừng do thiếu căn cứ pháp lý.

Thứ ba, mặc dù Ấn Độ là một xã hội đa nguyên, đa ngôn ngữ và đa dân tộc, song, tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ chủ yếu để sử dụng trong giao tiếp, học tập và làm việc tại Ấn Độ. Do đó, tiếng Anh vẫn là yêu cầu quan trọng quyết định đến kết quả học tập tại Ấn Độ. Hiện nay, chương trình liên kết nào cũng yêu cầu chuẩn tiếng Anh cần thiết để sinh viên truy đủ khả năng tiếng Anh trong suốt quá trình học. Do đó, nếu học sinh chưa có đủ chuẩn tiếng Anh yêu cầu thì khi học sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức. Do đó, các trường đại học và phụ huynh, học sinh nên chú tâm đến vấn đề giảng dạy tiếng Anh ở các chương trình liên kết. Những chương trình đào tạo có yêu cầu chuẩn tiếng Anh đầu vào theo các chuẩn quốc tế hiện hành thì khả năng thành đạt của học sinh khi chọn những chương trình này càng cao.

Trên đây là một số ý kiến của chúng tôi với mong muốn có một tiếng nói trong việc góp phần đẩy mạnh hợp tác, liên kết đào tạo giữa Việt Nam và Ấn Độ trong thời gian tới! □

(1) Xem: Phạm Thị Ly (tổng thuật và bình luận) - *Ấn Độ: Từ "bản lề ra thế" tiến lên đại học đẳng cấp quốc tế*. (Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Giáo dục số 47, 48 năm 2009, tr 59-62; ĐH Sư phạm TP HCM; Bản tin Thông tin Giáo dục Quốc tế số 3-2009; Niên giám khoa học 2009 của Viện Nghiên cứu Giáo dục)

(2) Theo: <http://www.hotcourses.vn/> 20/6/ 2014.